

CON ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ TRONG TƯ TƯỞNG NỮ QUYỀN PHÁP THẾ KỶ XX VÀ NHỮNG GỢI MỞ ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ XÓA BỎ ĐỊNH KIẾN GIỚI TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

LÝ NGỌC YẾN NHI (*)

Ngày nhận bài: 20/5/2022; ngày nhận lại bài: 03/6/2022; ngày duyệt đăng: 09/6/2022

TÓM TẮT

Quan niệm về con đường giải phóng phụ nữ của tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX với cách tiếp cận trên phương diện “giới” giữ vai trò quan trọng đối với phong trào giải phóng phụ nữ, bình đẳng giới tại Pháp và trên thế giới nửa sau thế kỷ XX. Bằng phương pháp so sánh, đối chiếu, bài viết phân tích làm nổi bật hai khuynh hướng khác nhau về con đường giải phóng phụ nữ trong tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX, chỉ ra ý nghĩa của nó đối với sự tự ý thức ở phụ nữ về bản thể cá nhân độc đáo. Theo đó, mỗi người phụ nữ có quyền tự do lựa chọn cách sống cũng như con đường phát triển bản thân một cách độc lập. Quan điểm này cũng đã góp phần gợi mở con đường giải phóng phụ nữ một cách thực chất dựa trên việc tháo gỡ những rào cản định kiến giới tại Việt Nam.

Từ khóa: định kiến giới, giải phóng phụ nữ, giới, nữ quyền, phụ nữ.

ABSTRACT

The concept of the road to women's liberation in the French feminist thought in 20th century with the “gender” approach plays an important role in the movement for women's liberation and gender equality in France and around the world in the second half of the 20th century. By means of analysis and synthesis, the article highlights two distinct trends on the road to women's liberation in the French feminist thought in 20th century, and shows its significance for women's self-consciousness about the unique individual being, whereby each woman has the freedom to choose how to live as well as the way of self-development independently. This viewpoint has also contributed to paving the way for women's liberation in a substantive manner based on dismantling the barriers of gender stereotypes and prejudice in Vietnam.

Keywords: gender stereotypes and prejudice, women's liberation, gender, feminism, feminist thought, women.

Đặt vấn đề

Khởi nguồn từ những tiểu thuyết của các nữ văn sĩ tiên phong, tư tưởng nữ quyền ở Pháp thế

(*) Thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh

kỷ XX hình thành và phát triển một cách phong phú, đa dạng với nhiều quan điểm, lý thuyết khác nhau, tạo nên không khí đầy sôi động trên khắp các diễn đàn học thuật. Không chỉ tiên phong đưa vấn đề “nữ quyền” lên diễn đàn lý luận, các nhà nữ quyền Pháp còn đóng góp nhiều kiến giải đặc sắc về phụ nữ và lý thuyết nữ quyền, con đường giải phóng phụ nữ. Đây cũng là nhánh tư tưởng phát triển có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với phong trào nữ quyền Anh Mỹ và các nước thuộc thế giới thứ ba, nhất là phong trào giải phóng phụ nữ, từ đó làm cho cuộc đấu tranh bình đẳng giới đạt được những thành quả chưa từng có trong lịch sử. Vì lẽ đó, tìm hiểu quan niệm của tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX về con đường giải phóng phụ nữ mang nhiều ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề xóa bỏ định kiến giới ở Việt Nam hiện nay.

1. Quá trình phát triển của tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX

Cuộc cách mạng năm 1848 tại Pháp đã đánh dấu sự ra đời của làn sóng tư tưởng nữ quyền có tổ chức trong lịch sử. Tương ứng với sự phát triển của các làn sóng nữ quyền trên thế giới nói chung, sự phát triển của tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX có thể được khái quát thành ba giai đoạn cơ bản.

- Giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX

Sự phát triển của tư tưởng nữ quyền Pháp giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX được đánh dấu bằng cuộc đấu tranh về quyền bầu cử của phụ nữ trên phương diện pháp lý, trong đó lý luận được hòa nhập vào làn sóng đấu tranh chung cho các quyền dân sự của giới nữ. Các mối quan tâm hàng đầu lúc này trong tư tưởng nữ quyền Pháp là đòi hỏi sự bình đẳng với nam giới trong xã hội công dân, phạm vi công cộng. Do đó, các tư tưởng nữ quyền thời kỳ này vẫn còn mang đậm yếu tố chính trị hơn là thể hiện được tính triết học phổ quát.

- Giai đoạn những năm 50 - cuối thập niên 60 của thế kỷ XX

Đây là giai đoạn được xác lập bởi sự ra đời của tác phẩm “Giới tính thứ hai” (1949) của Simon de Beauvoir, được đánh giá như một bước ngoặt cho sự phát triển tư tưởng nữ quyền dưới góc độ học thuật. Những lập luận của Beauvoir không chỉ dựa trên những dữ kiện chính trị, xã hội mà đã lấy căn cứ từ nền tảng triết học (đặc biệt là chủ nghĩa hiện sinh và phân tâm học) với những minh chứng từ thành tựu khoa học tự nhiên đương thời chỉ ra nguyên do căn bản của hiện tượng bất bình đẳng giới, rào cản lớn nhất cho việc công nhận và thực thi các quyền của phụ nữ trong xã hội và gia đình bấy lâu nay. Song, với khuynh hướng trung hòa về giới, những phân tích của Beauvoir vô tình lại xóa mờ sự khác biệt về tính thể của nữ giới, vẫn chưa thoát khỏi tình trạng đấu tranh cho quyền của nữ giới dựa trên hệ chuẩn của nam giới.

- Giai đoạn từ những năm 70 đến cuối thế kỷ XX

Giai đoạn này cho thấy sự nở rộ của các quan điểm, học thuyết nữ quyền tại Pháp, trong đó triết học nữ quyền đã đạt được những thành tựu nhất định qua đóng góp của những nữ triết gia như Antoinette Fouque, Helen Cixous, Luce Irigaray..., đồng thời cũng là sự trỗi dậy của khuynh hướng khác biệt về giới, nhấn mạnh những đặc thù của nữ tính. Quyền của phụ nữ được đề cập rộng hơn và sâu hơn, không chỉ xoay quanh những quyền phổ quát nhằm có được địa vị ngang

hàng với nam giới trong xã hội hay trong gia đình (quyền tránh thai, phá thai, tính dục nữ...). Với khuynh hướng khác biệt, quyền của nữ giới được khai thác và đấu tranh một cách toàn diện, triệt để ở mọi ngóc ngách, quan tâm đến thể nghiệm cá nhân của người phụ nữ, thay vì bị hòa lẫn trong khái niệm quyền con người trước đây. Các nhà tư tưởng nữ quyền cũng là những lãnh đạo của phong trào đấu tranh bảo vệ quyền phụ nữ trong thực tiễn. Tuy nhiên khi phong trào tại Pháp suy yếu thì những tư tưởng trên cũng không còn mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng. Vào những năm cuối của thế kỷ XX, một số nhà nữ quyền gốc Pháp trước đây chọn Mỹ làm mảnh đất mới cho sự nghiệp học thuật của mình, làm nảy sinh một khuynh hướng tư tưởng nữ quyền Pháp trên đất Mỹ.

2. Con đường giải phóng phụ nữ theo quan niệm của tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX

Tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX đã làm rõ cội nguồn bất bình đẳng nam, nữ không do tự nhiên quy định mà là sản phẩm của văn hóa, xã hội. Chính vì thế, việc giải phóng phụ nữ hướng đến bình đẳng giới chỉ đạt được khi phụ nữ được giải phóng khỏi những quan hệ xã hội đang kìm kẹp họ. Trong xu thế phát triển của các lý thuyết nữ quyền từ giữa thế kỷ XX trở đi, tư tưởng nữ quyền Pháp ghi nhận sự xuất hiện hai con đường giải phóng phụ nữ có phần khác biệt.

a) *Simon de Beauvoir với con đường giải phóng phụ nữ theo khuynh hướng trung hòa*

Đối với Beauvoir, giải phóng phụ nữ và đấu tranh cho sự bình đẳng của nữ giới là lý tưởng mà cả đời bà theo đuổi. Hướng tới hình mẫu một người “phụ nữ tự do”, tức là người phụ nữ không bị ép buộc phải hy sinh khuynh hướng phụ nữ của mình để đạt được vị trí cao trong đời sống chính trị xã hội, tầm nhìn của bà rộng mở để thấy rằng chỉ có thể đạt được trong một xã hội mà chính nó cũng được giải phóng, đó là một xã hội không có giai cấp vì vấn đề bất bình đẳng nam nữ bắt nguồn chính trong lòng một xã hội có giai cấp. Thế nên, trong tiến trình giải phóng phụ nữ, Beauvoir lưu tâm nhiều đến vai trò của các cuộc cách mạng xã hội. Bà thừa nhận chính cách mạng tư sản Pháp lần đầu tiên trong lịch sử đã thể chế hóa quyền bình đẳng giới, xóa bỏ mọi đặc quyền của nam giới, hay cách mạng tháng Mười Nga với Hiến pháp của Liên bang Xô-viết và Cương lĩnh của Quốc tế Cộng sản đã ghi nhận quyền bình đẳng của phụ nữ về chính trị, kinh tế, xã hội, đồng thời Nhà nước Xô viết cũng đã ban hành nhiều chính sách chăm lo đời sống của phụ nữ và trẻ em, thừa nhận chức năng làm mẹ là một chức năng xã hội (Beauvoir, 2010:179-180). Song với bà, người phụ nữ không được giải phóng khỏi sự phụ thuộc vào người nam “chỉ bằng một lá phiếu trong tay”, tức nếu chỉ thông qua biện pháp chính trị, thì chưa đủ để thực hiện bình đẳng giới. Thành ra, phụ nữ phải được giải phóng trên cả phương diện kinh tế, thoát khỏi sự lệ thuộc nam giới về lao động và thu nhập.

Điểm đặc sắc trong tư tưởng giải phóng phụ nữ của Beauvoir chính là nhấn mạnh vai trò tự ý thức của bản thân người phụ nữ về hiện trạng bất bình đẳng nam nữ, và kêu gọi sự nỗ lực một cách chủ động và đầy quyết tâm để vượt qua những rào cản hiện có nhằm khẳng định giá trị bản thân thay vì giành lại quyền lực từ tay của nam giới. Tác phẩm “The second sex” (“Giới tính thứ hai”) của bà là một trong những tuyên ngôn thể hiện tập trung tư tưởng của bà về các vấn đề nữ quyền và giải phóng phụ nữ. Mặc dù vậy, không hẳn là Beauvoir cổ xúy cho sự loại trừ nam giới

khỏi cuộc sống của phụ nữ, quan niệm về giải phóng phụ nữ của bà vẫn chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng “cái tôi tương quan” cùng quan điểm trung hòa khá rõ nét: “Để người phụ nữ được yêu như một người đàn ông - có nghĩa là, thoát khỏi những nghi ngại, một cách tự do - cô ấy sẽ phải tự nghĩ mình ngang hàng với anh ấy, và là bình đẳng một cách cụ thể; cô ấy sẽ phải tự cam kết với điều quyết đoán tương tự với sự táo bạo của mình, điều mà chúng ta thấy là vẫn chưa phổ biến” (Beauvoir, 2010:735). Có thể thấy, theo Beauvoir, giải phóng phụ nữ, tức là không còn buộc chặt họ trong quan hệ với nam giới chứ không phải phủ nhận những mối quan hệ đó. Dù phụ nữ có tự khẳng định chính mình thì cũng không thể quên đi việc họ còn tồn tại cho cả người đàn ông. “Trên thực tế, cuộc đấu tranh giữa họ không thể là đoạn tuyệt, vì bản chất của phụ nữ là sự mịm mờ; họ không đứng trước người đàn ông với tư cách là một chủ thể mà là một đối tượng được thiên nhiên ban tặng cho chủ thể; họ giả định mình vừa là bản thân vừa là kẻ khác, một mâu thuẫn với những hậu quả rối rắm” (Beauvoir, 2010:755).

Một cách khai quát, con đường giải phóng mà Beauvoir đặt ra cho phụ nữ có thể được cô đọng lại như sau: *Thứ nhất*, để giải phóng phụ nữ một cách triệt để, Beauvoir đã đề xuất cuộc cách mạng về giới; *Thứ hai*, nhằm tiến hành giải phóng phụ nữ bằng cách mạng giới, Beauvoir lấy luân lý hiện sinh làm nền tảng; *Thứ ba*, để hiện sinh trung thực, tức là làm cho phụ nữ “trở thành phụ nữ” và khắc phục sự hàm hồ, Beauvoir đưa ra ba mục tiêu cụ thể: tự do, tính chủ thể và “cái tôi nhân vị”. (Xem Bùi Thị Tĩnh, 2010:217-218).

Vậy nên, có thể thấy, theo tư tưởng của Beauvoir, trung tâm của cuộc cách mạng giải phóng phụ nữ mà nhân loại đang theo đuổi là tiến trình phụ nữ tự giải phóng bản thân mình thông qua sự tự ý thức về địa vị bản thân. Mặc dù vậy, trong khi kêu gọi phụ nữ cần tự chọn cho mình con đường đi độc lập, Beauvoir vẫn chưa thoát ly khỏi hoàn toàn hệ chuẩn nam giới, vẫn xem việc trở nên “như đàn ông” là điều mà mỗi phụ nữ cần vươn tới.

b) Con đường giải phóng phụ nữ theo khuynh hướng khác biệt giới trong tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX

Bên cạnh lộ trình giải phóng phụ nữ, hướng tới bình đẳng giới khá chi tiết của Beauvoir, trong tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX cũng có nhiều quan niệm về chủ đề này, thậm chí có sự khác biệt nhất định. Thông qua việc so sánh các quan điểm của các gương mặt tiêu biểu của chủ nghĩa nữ quyền Pháp: Julia Kristeva, Luce Irigaray, Helene Cixous với quan điểm của Beauvoir, có thể thấy rõ sự đa dạng trong thống nhất của tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX về vấn đề giải phóng phụ nữ.

Theo Kristeva, nỗ lực đòi quyền bình đẳng, trong đó chủ nghĩa nữ quyền - chủ yếu là ủng hộ những người theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, tham gia vào giai đoạn trước năm 1968 nhằm đảm bảo phụ nữ tham gia vào các tổ chức như nam giới (kiểu Beauvoir) đã xuất phát từ một quan niệm nam tính về lịch sử. Nghĩa là theo vẻ bề ngoài, những con đường như cách Beauvoir quan niệm có tác dụng phần nào giúp người phụ nữ thoát khỏi sự bất bình đẳng trong xã hội phụ quyền, song về bản chất nó vẫn chịu sự chi phối nặng nề của tư duy gia trưởng khi vẫn lấy nam giới làm

hệ quy chiếu, đấu tranh là nhằm giúp phụ nữ đạt được những thứ “giống như những gì đàn ông đang đạt được”. Các nhà nữ quyền sau năm 1968, đặc biệt là những người chịu ảnh hưởng của phân tâm học nói chung, đã chống lại xu hướng đồng hóa này. Trong tác phẩm “The meaning of equality” (“Ý nghĩa của bình đẳng”), bà cho rằng “...những thành tựu cụ thể của mỗi người phụ nữ và tính cách của cô ấy, không thể được thu nhỏ thành mẫu số chung của một nhóm hoặc một thực thể giới tính,... Chính vì tôi là chính tôi và bản thân tôi đặc biệt...” (Kristeva, 2007:95). Có thể thấy, bên cạnh việc không đồng tình với xu hướng trung hòa, Kristeva còn đưa quan điểm của mình tiến xa hơn ở những đòi hỏi cần phải tôn trọng sự đặc biệt ở từng cá nhân người phụ nữ. Đối với bà, khi nhắc đến sự độc đáo của chủ thể tính, chữ “đặc biệt” vẫn chưa phản ánh được hoàn toàn ý nghĩa đó, bà dùng chữ “kỳ dị”. Bà viết: “Điều tôi nhấn mạnh thông qua chủ đề tình yêu, về sự khác biệt giới tính và vai trò của phụ nữ, là sự kỳ dị của các cá nhân, mà đối với tôi dường như trở thành cuộc đấu tranh thú vị duy nhất, đặc biệt là trong mối quan hệ với xã hội ngột ngạt này...” (Kristeva, 1996f:222). Cách đặt vấn đề này của bà đã gần như phá vỡ mọi khuôn mẫu đang nhào nặn nên người phụ nữ bấy lâu nay, không phải chỉ nên vượt thoát khỏi hệ chuẩn nam giới, giải phóng phụ nữ còn phải giải thoát họ khỏi sự rập khuôn theo hình mẫu của các phụ nữ khác.

Irigaray cũng đồng tình với hướng tiếp cận của Kristeva, cho rằng, mục tiêu tự do mà Beauvoir và những người tán thành quan điểm của bà theo đuổi, cụ thể là thành tựu bình đẳng của phụ nữ với nam giới, đã từ chối ủng hộ các đặc điểm, quyền và yêu cầu đặc biệt của riêng phụ nữ. Dưới con mắt của Irigaray, cái gọi là bình đẳng giới đó chẳng qua chỉ là một mưu đồ được tạo ra để phụ nữ thi đua với đàn ông, song bà vẫn chưa đạt đến đỉnh điểm của sự khác biệt như trong quan niệm của Kristeva, bà vẫn dành nhiều sự quan tâm cho nỗ lực thoát ly của phụ nữ khỏi sự áp chế của hệ chuẩn nam giới. Trong tác phẩm “An ethics of sexual difference” (“Đạo đức của sự khác biệt giới tính”), bà cho rằng: “Người phụ nữ phải có thể tìm thấy được chính mình, trong số những thứ khác, thông qua những hình ảnh của chính mình đã được lưu lại trong lịch sử và trong các điều kiện sản xuất của công việc đàn ông, chứ không phải dựa trên bản thân công việc của đàn ông, gia phả của đàn ông” (Luce Irigaray, 2000:229). Điều đó cũng cho thấy, trong quan niệm của Irigaray, giải phóng phụ nữ cần phải gắn liền với tiến trình làm cho phụ nữ “được là chính mình” với sự hiện diện thực tế trong từng giai đoạn lịch sử hay những công đoạn cụ thể của nền sản xuất, chứ không phải là sự theo đuổi cái vỏ hình thức của những công việc mà người đàn ông vẫn làm. Không phải điều gì đàn ông làm được thì phụ nữ cũng phải làm cho bằng được mới là bình đẳng. Bà cũng nhận ra nguyên nhân sâu xa sự thống trị của những diễn ngôn nam tính và đưa ra yêu cầu cần phải thay đổi từ văn hóa và ngôn ngữ: “Thực tế là giải phóng phụ nữ đòi hỏi phải chuyển đổi lĩnh vực kinh tế, và do đó nhất thiết phải biến đổi văn hóa và cơ quan điều hành của nó, ngôn ngữ. Nếu không có cách giải thích như vậy về một ngữ pháp chung của văn hóa, thì nữ tính sẽ không bao giờ xuất hiện trong lịch sử, ngoại trừ như một bể chứa của vấn đề và suy đoán” (Luce Irigaray, 2000:211).

Cùng chung ý tưởng trên phương diện này, Cixous đã bàn sâu về phương tiện giúp phụ nữ đạt

được mục tiêu vượt thoát theo cách riêng của phụ nữ nhằm thoát ly khỏi các công cụ biểu trưng của nam giới, trong đó có việc sử dụng ngôn ngữ. Bà xem văn chương cũng là một vũ khí quan trọng trong công cuộc giải phóng phụ nữ. Vì vậy, phụ nữ phải dùng cây bút để đấu tranh tư tưởng, giải phóng chính mình và giải phóng cho nữ giới nói chung. Văn phong nữ tính phải lật đổ hệ thống thứ bậc trước đây của tính dục, đồng thời khẳng định địa vị của hiện thân tính dục nữ như là chuẩn mực mới của tính dục. Trong tác phẩm nổi tiếng “The laugh of Medusa” (“Tiếng cười của nàng Medusa”), bà nhấn mạnh: “đã đến lúc giải phóng Người phụ nữ Mới khỏi Người phụ nữ Cũ bằng cách hiểu cô ấy - bằng cách yêu cô ấy quên mình, quên ngay người phụ nữ cũ ...” (Cixous, 2000a:260) chỉ thông qua viết, từ phía phụ nữ và về phía phụ nữ, và bằng cách chấp nhận thách thức rằng ngôn từ đã được ngự trị bởi trật tự tượng trưng của nam giới... “Phụ nữ nên thoát ra khỏi cạm bẫy của sự im lặng. Họ không nên chấp nhận miễn của mình chỉ là chốn bên lề hoặc hậu cung” (Cixous, 2000a:262). Bằng việc sáng tạo nên “lối viết nữ”, Cixous đã cung cấp thêm một công cụ giúp phụ nữ thể hiện quyền được cất lên tiếng nói của mình - nói bằng thứ ngôn ngữ của riêng giới nữ trong màu sắc tràn ngập xúc cảm, giàu hình ảnh, lan tỏa và lay động. Bà khẳng định khả năng nghiên cứu, sáng tạo của người phụ nữ, đề cao giá trị thẩm mỹ của văn học nữ và kết luận rằng phụ nữ không phải là nhà văn loại hai sau đàn ông. Với bà, khẳng định vị thế của các tác giả nữ trên văn đàn cũng là một giải pháp hữu hiệu giúp minh định sự hiện diện của nữ giới trong vũ trụ đa trung tâm. “Viết là dành cho bạn, bạn là dành cho bạn; cơ thể của bạn là của bạn, hãy nhận lấy nó... Viết đi, không ai giữ bạn lại, không để thứ gì ngăn cản bạn: không phải đàn ông; không phải bộ máy tư bản phi nghĩa [...]; và không phải chính bạn” (Cixous, 2000a:259). Điều này cũng đã cho thấy sự tiếp nối tư tưởng từ khuynh hướng trung hòa mà Beauvoir đại diện sang khuynh hướng khác biệt mà Kristeva, Irigaray, Cixous cùng theo đuổi về tiến trình tự giải phóng, xu hướng đề cao việc tự ý thức cái tôi chủ thể trong tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX.

Như vậy, trong quan niệm về con đường giải phóng phụ nữ, các nhà tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX đã thể hiện rõ nét sự đa dạng mà thống nhất trong hướng tiếp cận cũng như phương thức tiến hành. Mặc dù vậy, trong bức tranh chung vẫn nổi rõ hai gam màu trung hòa và khác biệt về giới: phụ nữ được giải phóng khi được làm những điều giống nam giới và phụ nữ được giải phóng khi được là chính mình. Không khí tranh luận sôi nổi giữa các luồng ý kiến khác nhau về nữ quyền trong giai đoạn này đã trở thành động lực cho phong trào nữ quyền nở rộ ở Pháp và các quốc gia Âu Mỹ sau đó. Không chỉ vậy, những quan điểm này còn tạo nguồn cảm hứng cho phong trào giải phóng phụ nữ toàn cầu, nhất là các quốc gia thuộc thế giới thứ ba, trong đó có Việt Nam, nơi mà hiện tượng bất bình đẳng giới nói chung, định kiến giới nói riêng vẫn còn nhiều vấn đề đáng quan tâm.

3. Từ con đường giải phóng phụ nữ trong tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX đến vấn đề xóa bỏ định kiến giới ở Việt Nam hiện nay

a) Nỗ lực hướng đến bình đẳng giới và vấn đề định kiến giới ở Việt Nam hiện nay

Kế thừa trực tiếp từ quan niệm về giải phóng phụ nữ và bình đẳng giới của chủ nghĩa Mác -

Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trên phương diện chính sách, pháp luật, Việt Nam đã thể hiện sự quan tâm to lớn đối với vấn đề giải phóng phụ nữ và bình đẳng giới. Bên cạnh đó, trong vài thập kỷ vừa qua, Việt Nam cũng đã đạt nhiều tiến bộ đáng kể trong cải thiện cuộc sống người dân và giảm sự khác biệt giới nói chung. Theo Báo cáo Phát triển con người năm 2019 của Liên hợp quốc, Chỉ số phát triển giới (GDI) của Việt Nam đã có tiến bộ, phản ánh những thành tựu trong thu hẹp bất bình đẳng về tuổi thọ, số năm đi học và thu nhập. Hiện Việt Nam đã vươn lên đứng trong nhóm xếp hạng nhất về GDI (Chỉ số phát triển giới) trong số 166 nước được xếp hạng với giá trị 1,003 (2018) so với hạng 94/155 nước với giá trị GDI là 0,723 (2009). Việt Nam cũng thuộc nhóm dẫn đầu so với các quốc gia đối chứng về chỉ số trao quyền cho phụ nữ trên 3 phương diện: chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ), phòng chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, và trao quyền kinh tế - xã hội (Theo Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội và UN Women (2021:100)). Nhiều chỉ số cơ bản của Việt Nam đã cho thấy các kết quả tích cực về vấn đề phụ nữ ở nhiều khía cạnh như: Khoảng cách giới ở tất cả các cấp học đã được thu hẹp, là một trong những quốc gia có tỷ lệ phụ nữ tham chính cao nhất trong Quốc hội ở khu vực châu Á, tỷ lệ nữ trong đại biểu Quốc hội đạt 30,26% (2021-2026), cao hơn mức trung bình toàn cầu là 25,5% (1/6/2021), tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động ở mức cao, khoảng 62,3% trong năm 2020 (dẫn theo UN Women, 2021)...

Nhận định về tiến độ đạt được bình đẳng giới tại Việt Nam, Báo cáo Tổng quan về bình đẳng giới ở Việt Nam 2021 có đoạn: “Việt Nam duy trì sự uy tín khi là một quốc gia có tỷ lệ phụ nữ thụ hưởng sự bình đẳng theo luật pháp, phụ nữ tham gia lực lượng lao động và có khả năng tiếp cận cơ hội kinh tế tương đối cao, đồng thời sức khỏe ngày càng cải thiện và trình độ học vấn ngày càng cao hơn” (UN Women, 2021). Có thể thấy, vấn đề bình đẳng giới đã ngày càng được quan tâm sâu sắc với nhiều nỗ lực thực hiện tại Việt Nam trong thời gian qua, nổi bật nhất là Luật Bình đẳng giới 2007, Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới 2011-2020 được ban hành và thường xuyên được tổng kết, đánh giá nhằm điều chỉnh, sửa đổi kịp thời. Mới đây nhất Chính phủ tiếp tục ban hành Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới 2021-2030 với nhiều cập nhật và đổi mới.

Mặc dù vậy, trong số các rào cản đối với tiến trình thực hiện bình đẳng giới tại Việt Nam, tác động của định kiến giới vẫn còn khá sâu sắc. “Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ” (theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội & UNFPA, 2018:75). Trong Báo cáo Tổng quan về bình đẳng giới ở Việt Nam 2021, vấn đề định kiến giới được nhắc đến khá nhiều: “Quan niệm “thiên chức” của người phụ nữ là sinh đẻ và chăm sóc con cái vẫn đang phổ biến”, “Khuôn mẫu/định kiến giới còn rất phổ biến trên các phương tiện truyền thông và phụ nữ ít được xuất hiện với tư cách là chuyên gia ở các lĩnh vực”, “Định kiến giới đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự tham gia vào hoạt động kinh tế của phụ nữ”... (UN Women, 2021).

Trước đó, Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Bình đẳng giới do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với Quỹ Dân số Liên Hợp quốc thực hiện năm 2018 cũng có đoạn: “...

tình trạng bất bình đẳng giới là do các phong tục, tập quán cổ hủ, quan niệm truyền thống về vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Thái độ và khuôn mẫu gia trưởng liên quan tới vai trò của phụ nữ và nam giới là nguyên nhân dẫn đến hành vi phân biệt đối xử”, “Số lượng lớn các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông chưa hẳn đã làm thay đổi thái độ, hành vi phổ biến dẫn đến bất bình đẳng giới. Có những thông điệp lại có thể làm trầm trọng thêm khuôn mẫu giới và vai trò truyền thống được mặc định cho phụ nữ và nam giới” (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội & UNFPA, 2018:75).

Bên cạnh đó, theo Báo cáo Tiến bộ của Phụ nữ Thế giới 2015-2016 được thực hiện bởi Quỹ phát triển Phụ nữ của Liên hợp quốc, khung hành động để đạt được bình đẳng thực chất cho phụ nữ và trẻ em gái bao gồm 3 yếu tố: (1) giải quyết sự bất lợi về kinh tế xã hội của phụ nữ; (2) xóa bỏ định kiến, kỳ thị và bạo lực; và (3) tăng cường sự đại diện, tiếng nói và sự tham gia của phụ nữ (Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2015). Báo cáo Tổng quan về bình đẳng giới ở Việt Nam 2021 cũng nhận định: Việt Nam “vẫn cần xã hội hóa khái niệm bình đẳng giới thực chất, phân biệt giữa sự có mặt của phụ nữ và sự tham gia đầy đủ, thực chất của họ, cần xóa bỏ các định kiến giới gây cản trở việc trao quyền cho phụ nữ và chứng minh sự phù hợp và lợi ích của bình đẳng giới đối với tất cả các lĩnh vực...” (UN Women, 2021). Điều này phản ánh vấn đề định kiến giới cần được quan tâm đúng mức và giải quyết một cách triệt để nhằm đẩy nhanh tiến trình đạt đến bình đẳng giới thực chất ở Việt Nam.

b) Những gợi mở từ con đường giải phóng phụ nữ trong tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX đối với quá trình xóa bỏ định kiến giới ở Việt Nam hiện nay

Nhằm thực hiện “Xóa bỏ định kiến, kỳ thị và bạo lực” đối với phụ nữ trong khung hành động để đạt được bình đẳng thực chất cho phụ nữ mà Quỹ phát triển Phụ nữ của Liên hợp quốc đề xuất, dựa trên những gợi mở từ quan niệm về con đường giải phóng phụ nữ trong tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX, một số khuyến nghị được đưa ra nhằm tháo gỡ rào cản định kiến giới tại Việt Nam thông qua việc thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 như sau:

- Hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý về trao quyền phụ nữ và bình đẳng giới

Quốc hội cần tiếp tục tổng kết kết quả thực hiện Luật Phòng chống bạo lực gia đình 2007, Luật Bình đẳng giới 2010 để có những điều chỉnh phù hợp. Đặc biệt bổ sung thêm những quy định, chế tài cụ thể, có tác dụng răn đe về các hình thức bạo lực đối với phụ nữ, nhất là bạo lực tinh thần, thể hiện qua những định kiến về thứ hạng thấp kém của nữ giới hay mặc định vai trò nội trợ và nuôi dạy con cái của phụ nữ trong gia đình nhằm hạn chế thấp nhất sự kiểm soát và áp đặt bởi thói quen gia trưởng của nam giới đối với phụ nữ. Khắc phục vấn đề định kiến giới, phân biệt đối xử tồn tại trong chính các điều luật và các văn bản quy phạm pháp luật.

Chính phủ tiếp tục ban hành những nghị định hướng dẫn thực hiện, đồng thời chỉ đạo, phân công các cơ quan, bộ ngành, địa phương thực hiện tốt việc triển khai pháp luật về bình đẳng giới, trao quyền phụ nữ đến từng hộ gia đình, từng người dân.

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, thanh tra, kiểm tra giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và công tác trao quyền phụ nữ.

- Đẩy mạnh giáo dục về giới và bình đẳng giới trong gia đình, nhà trường, xã hội

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ lồng ghép nội dung bình đẳng giới vào chương trình giáo dục ở tất cả các bậc học. Chú trọng giáo dục về ý thức “cái tôi nhân vị”, giá trị của việc được là “chính mình”, khát vọng được trở thành một phiên bản hoàn hảo theo năng lực, sở thích và nguyện vọng của bản thân trong từng người phụ nữ và trẻ em gái. Bên cạnh đó, tăng cường giáo dục cộng đồng về ý thức tôn trọng sự khác biệt của mỗi người nói chung, trong đó có vấn đề tôn trọng quyền tự do, tự quyết của người phụ nữ đối với các vấn đề lựa chọn nghề nghiệp, chăm sóc nhà cửa, con cái, tự do tính dục hay bảo vệ sức khỏe sinh sản của cá nhân họ...

- Thực hiện bình đẳng giới thực chất từ các đổi mới trong kinh tế và văn hóa

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì hoặc chỉ đạo các địa phương phát động các chiến dịch cộng đồng về xây dựng gia đình văn hóa, khóm/ ấp/ khu dân cư văn hóa một cách thực chất nhằm đạt được các chỉ tiêu trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, trong đó có chỉ tiêu “Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 1,7 lần vào năm 2025 và xuống 1,4 lần vào năm 2030”. Các bộ, ban ngành liên quan tạo điều kiện đầu tư nhiều hơn vào cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội có trách nhiệm giới bao gồm các dịch vụ giúp việc nhà, chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân với những chính sách hỗ trợ về vốn, thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ; hỗ trợ sinh kế, gia tăng cơ hội việc làm cho phụ nữ trong mọi ngành nghề.

- Nâng cao hiệu quả truyền thông đại chúng về bình đẳng giới, khắc phục truyền thông về khuôn mẫu giới

Ủy ban quốc gia về Bình đẳng giới chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và thực hiện một chiến lược truyền thông quốc gia để hạn chế định kiến về giới trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng cách sử dụng bằng chứng và dữ liệu về tác động tiêu cực của các chuẩn mực đó đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, bao gồm mối quan hệ đối tác với các nhà lãnh đạo, người có ảnh hưởng trong cộng đồng và công chúng. Bên cạnh các kênh truyền thông chính thống, cần có định hướng truyền thông trên mạng xã hội (đặc biệt là các hội, nhóm liên quan đến phụ nữ và gia đình trên Facebook) về nhận diện các định kiến giới phổ biến và lợi ích của việc xóa bỏ những định kiến đó đối với bản thân phụ nữ, gia đình và xã hội. Xử lý nghiêm các nội dung truyền thông mang định kiến giới, thay vào đó tăng cường truyền thông về sự tôn trọng, khuyến khích phụ nữ tự tin với việc lựa chọn lối đi của riêng mình đối với vấn đề gia đình, sự nghiệp hay phát triển bản thân.

Kết luận

Có thể thấy rằng, từ khuynh hướng xem phụ nữ khác biệt với nam giới, thậm chí từng phụ nữ cũng có sự dị biệt chứ không thuần nhất trong tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX đã mở ra một

góc nhìn khác về con đường giải phóng phụ nữ hiện đại: Phụ nữ không nhất thiết phải thi thố với đàn ông về mọi mặt. Điều quan trọng ở đây là sự san sẻ, để mỗi phía đều có thể làm tròn những chức năng, nhiệm vụ trong các mối quan hệ xã hội hay gia đình. Hơn nữa, vì giới nữ là không thuần nhất nên phụ nữ cũng không nhất thiết phải gò mình theo cùng một chuẩn mực để trở nên giỏi giang, thành công, hạnh phúc theo một hình mẫu cố định. Phụ nữ cần lắng nghe và ý thức về chính mình một cách sâu sắc, để trở nên siêu việt theo cách của riêng mình, để vượt thoát tìm về nhân vị, đạt đến sự tự do tuyệt đối thay vì phải bám lấy một hệ chuẩn từ nam giới hay từ những phụ nữ khác. Đạt đến điều đó đồng nghĩa với việc phụ nữ đã tự giải phóng mình thay vì hoàn toàn trông chờ vào ngoại tác là sự thay đổi của chính sách pháp luật, y tế, giáo dục hay thái độ của nam giới đối với phụ nữ. Đó cũng là một trong những ý nghĩa nhân văn sâu sắc của tư tưởng nữ quyền Pháp thế kỷ XX đối với tiến trình thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Beauvoir, S. (2010). *The Second Sex*. New York: Vintage Books.

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội & UNFPA (2018). *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Bình đẳng giới*.

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội & UN Women (2021). *Báo cáo rà soát tình hình thực hiện chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020*.

Bùi Thị Tĩnh (2010). *Phụ nữ và Giới*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Cixous, H. (2000a). *The Laugh of the Medusa*, in K. Oliver (ed.). *French Feminism Reader*, Oxford and New York: Rowman & Littlefield.

Cixous, H. (2000b). *Rootprints*, from *Rootprints: Memory and Life Writing*, in K. Oliver (ed.). *French Feminism Reader*, Oxford and New York: Rowman & Littlefield.

Irigaray, L. (2000a). *An ethics of sexual difference*, in K. Oliver (ed.). *French Feminism Reader*, Oxford and New York: Rowman & Littlefield.

Irigaray, L. (2000b). *This sex which is not one*, in K. Oliver (ed.). *French Feminism Reader*, Oxford and New York: Rowman & Littlefield.

Kristeva, J. (2000). *Women's Time*, in K. Oliver (ed.). *French Feminism Reader*, Oxford and New York: Rowman & Littlefield.

Kristeva, J. (2007). *The meaning of Equality*, in K. Oliver & Lisa Walsh. *Contemporary French Feminism*, New York: Oxford University Press.

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện nghiên cứu Gia đình và giới và các tổ chức quốc tế đồng hành (2015). *Báo cáo Hướng tới bình đẳng giới tại Việt Nam: Để tăng trưởng bao trùm có lợi cho phụ nữ*.

UN Women (2021). *Báo cáo Tổng quan về Bình đẳng giới Việt Nam 2021*.

